BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

Số: ...439...../ĐHHHVN-TCHC

V/v xét nâng bậc lương thường xuyên cho viên chức, người lao động đợt 6 tháng đầu năm 2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong Trường.

Căn cứ Nghị định số 204/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức; Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về Sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHHHVN-TCHC ngày 07/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế về chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, viên chức và người lao động thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Nhà trường thực hiện việc xét nâng bậc lương thường xuyên 6 tháng đầu năm 2023 cho cán bộ, viên chức và người lao động thuộc diện Trường quản lý và đề nghị Bộ GTVT quyết định nâng bậc lương cho các giảng viên cao cấp (hạng I) như sau:

1. Điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh (sau đây gọi chung là ngạch) để xét nâng bậc lương thường xuyên:

a) Đối với ngạch có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch, thì sau 3 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch thì được xét nâng một bậc lương;

b) Đối với ngạch có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống và nhân viên thừa hành, phục vụ: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch, thì sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong ngạch thì được xét nâng một bậc lương.

2. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên:

Viên chức, người lao động có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

- Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

- Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp danh sách viên chức, người lao động có đủ điều kiện thời gian giữ bậc tính đến ngày 30/6/2023 gửi cho các đơn vị để đối chiếu. Các đơn vị có trách nhiệm đối chiếu danh sách của đơn vị mình, nếu danh sách

bị thiếu hoặc sai sót thì phản hồi về Phòng Tổ chức - Hành chính trước ngày 09/5/2023.

Để việc nâng bậc lương của Nhà trường được đảm bảo đúng tiến độ, đúng quy định, các đơn vị lập danh sách viên chức và người lao động đủ điều kiện và tiêu chuẩn xét nâng bậc lương thường xuyên tính đến ngày 30/6/2023 (theo mẫu 01) và gửi về Phòng Tổ chức - Hành chính trước ngày 10/5/2023. Trong quá trình thực hiện nếu đơn vị cần giải thích thêm, xin liên hệ trực tiếp Phòng Tổ chức - Hành chính để hướng dẫn làm rõ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, TC-HC.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TC-HC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Huy Hào

Mẫu 01

TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo công văn số 439 /ĐHHHVN-TCHC ngày 12 tháng 4 năm 2023)

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương hiện hưởng			Ghi chú
			Bậc	Hệ số	Thời gian hưởng (từ tháng /năm	

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN
(ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỦ KIỀU KIỆN THỜI GIAN GIỮ BẬC LƯƠNG TÍNH ĐẾN NGÀY 30/6/2023

(Kèm theo Công văn số ...439.../ĐHHHVN-TCHC ngày ..12.... Tháng 4 năm 2023)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngày sinh	Chức vụ	Mã ngạch	Bậc	HSL	Thâm niên vượt khung	Mốc tính nâng bậc lương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Thanh Sơn	Ban Giám hiệu	08/03/1976	Phó Hiệu trưởng	V.07.01.01	1/6	6,20		28/04/2020
2	Phạm Huy Tùng	Phòng Tổ chức - Hành chính	08/12/1980	Phó Trưởng phòng	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
3	Nguyễn Văn Đoàn	Phòng Tổ chức - Hành chính	20/08/1964	Thường trực TĐ-KT	01.003	9/9	4,98	9%	01/05/2022
4	Lê Hồng Liên	Phòng Tổ chức - Hành chính	12/09/1986	Chuyên viên	01.003	4/9	3,33		01/04/2020
5	Nguyễn Thị Thanh	Phòng Tổ chức - Hành chính	15/06/1967	Nhân viên	01.009	12/12	2,98	17%	01/03/2022
6	Phan Viết Đức	Phòng Tổ chức - Hành chính	14/10/1976	Bác sĩ chính	V.08.01.02	2/8	4,74		01/01/2020
7	Lê Xuân Kim	Phòng Đào tạo	20/08/1963	Chuyên viên	01.003	9/9	4,98	7%	01/01/2022
8	Nguyễn Thanh Sơn	Phòng Thanh tra và ĐBCL	25/11/1974	Trưởng phòng	V.07.01.02	1/8	4,40		01/05/2020
9	Lê Thị Thu Hằng	Phòng Thanh tra và ĐBCL	20/04/1989	Chuyên viên	01.003	3/9	3,00		04/05/2020
10	Nguyễn Văn Vượng	Phòng Quản trị-Thiết bị	09/09/1983	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66		01/01/2020
11	Nguyễn Quang Vinh	Phòng Quản trị-Thiết bị	23/08/1990	Chuyên viên	01.003	2/9	2,67		01/04/2020
12	Phạm Huyền Châm	Phòng KH - Tài chính	28/10/1973	Chuyên viên	01.003	9/9	4,98		01/05/2020
13	Phạm Thị Thúy Khánh	Phòng KH - Tài chính	03/03/1970	Chuyên viên	01.003	9/9	4,98	5%	01/03/2022
14	Quản Thị Minh Hiền	Phòng KH - Tài chính	04/07/1984	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66		01/02/2020
15	Nguyễn Thái Dương	Khoa Hàng hải	01/06/1967	Phó Trưởng khoa	V.07.01.01	1/6	6,20		01/01/2020
16	Nguyễn Quang Duy	Khoa Hàng hải	21/12/1987	Trưởng BM	V.07.01.03	4/9	3,33		04/05/2020
17	Lê Quốc An	Khoa Hàng hải	28/12/1971	Giảng viên	V.07.01.03	9/9	4,98	5%	01/02/2022
18	Nguyễn Trung Chính	Khoa Hàng hải	06/11/1985	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		25/03/2020
19	Hoàng Xuân Bằng	Khoa Hàng hải	29/03/1978	Phó Giám đốc TT	V.07.01.03	7/9	4,32		01/05/2020
20	Nguyễn Bá Thắng	Khoa Hàng hải	24/02/1978	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32		01/05/2020
21	Hoàng Thị Ngọc Quỳnh	Khoa Hàng hải	23/07/1991	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00		04/01/2020
22	Trịnh Thị Thu Thảo	Khoa Hàng hải	31/05/1991	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00		11/01/2020
23	Đỗ Văn Cường	Khoa Hàng hải	28/08/1988	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		04/05/2020
24	Lương Tú Nam	Khoa Hàng hải	09/11/1988	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		04/05/2020
25	Phạm Tất Tiệp	Khoa Hàng hải	26/06/1987	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		01/04/2020
26	Cao Văn Bính	Khoa Máy tàu biển	08/05/1986	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		01/01/2020
27	Phạm Văn Dũng	Khoa Máy tàu biển	26/04/1967	Giảng viên chính	V.07.01.02	5/8	5,76		01/01/2020
28	Nguyễn Hữu Dũng	Khoa Máy tàu biển	07/02/1986	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		01/01/2020

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29	Ngô Ngọc Lân	Khoa Máy tàu biển	07/05/1968	Giảng viên chính	V.07.01.02	5/8	5,76		01/01/2020
30	Nguyễn Hữu Thư	Khoa Máy tàu biển	18/11/1992	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	2,34		22/01/2019
31	Mai Thế Trọng	Khoa Máy tàu biển	04/09/1981	Giám đốc TT	V.07.01.03	6/9	3,99		25/06/2020
32	Nguyễn Danh Thọ	Khoa Máy tàu biển	26/12/1984	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	4/9	3,33		04/05/2020
33	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Điện - Điện tử	20/06/1981	Chuyên viên	01.003	3/9	3,00		01/03/2020
34	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Điện - Điện tử	07/10/1979	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	6/9	3,99		09/01/2020
35	Đoàn Hữu Khánh	Khoa Điện - Điện tử	01/08/1990	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00		01/06/2020
36	Nguyễn Ngọc Đức	Khoa Điện - Điện tử	12/09/1991	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67		22/02/2020
37	Đỗ Thị Chang	Khoa Điện - Điện tử	26/04/1993	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	2,34		01/02/2020
38	Trần Ngọc Nhân	Khoa Điện - Điện tử	05/12/1975	Giảng viên	V.07.01.03	8/9	4,65		01/10/2019
39	Bùi Sỹ Hoàng	Khoa Đóng tàu	05/08/1987	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	4/9	3,33		02/06/2020
40	Trịnh Thanh Hiếu	Khoa Đóng tàu	30/09/1987	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	4/9	3,33		02/06/2020
41	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Khoa Đóng tàu	26/03/1979	Phó Trưởng BM	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
42	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Đóng tàu	27/06/1978	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99		01/06/2020
43	Nguyễn Mạnh Chiến	Khoa Đóng tàu	23/10/1988	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00		01/03/2020
44	Nguyễn Thị Thanh Bình	Khoa Kinh tế	25/03/1980	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32		01/03/2020
45	Nguyễn Thị Hương Giang	Khoa Kinh tế	08/01/1994	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67		01/02/2020
46	Phan Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế	25/02/1972	Giảng viên chính	V.07.01.02	5/8	5,76		01/01/2020
47	Lương Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế	13/10/1986	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		05/01/2020
48	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa Kinh tế	20/08/1995	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	1,99		17/02/2020
49	Nguyễn Minh Đức	Khoa Kinh tế	24/09/1985	Giám đốc TTĐT Logistics tiểu vùng Kêkong-NB tại VN	V.07.01.03	5/9	3,66		09/05/2020
50	Phạm Thị Mai Phương	Khoa Kinh tế	12/05/1993	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67		01/02/2020
51	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Quản trị-Tài chính	17/08/1990	Phó Trưởng BM	V.07.01.03	4/9	3,33		19/02/2020
52	Đoàn Thu Hương	Khoa Quản trị-Tài chính	09/08/1994	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67		01/03/2020
53	Đỗ Mạnh Toàn	Khoa Quản trị-Tài chính	12/09/1990	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00		01/06/2020
54	Đào Văn Thi	Khoa Quản trị-Tài chính	09/11/1986	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66		01/06/2020
55	Nguyễn Thị Nguyệt	Khoa Quản trị-Tài chính	21/03/1985	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	4/9	3,33		01/02/2020
56	Mai Khắc Thành	Khoa Quản trị-Tài chính	05/04/1977	Trưởng khoa	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
57	Nguyễn Thu Quỳnh	Khoa Quản trị-Tài chính	07/05/1990	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67		07/03/2020
58	Dương Xuân Quang	Viện Cơ khí	11/02/1987	Phó Trưởng BM	V.07.01.03	4/9	3,33		01/06/2020
59	Nguyễn Tiến Dũng	Viện Cơ khí	28/03/1980	Phó Viện trưởng	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
60	Lê Anh Tuấn	Viện Cơ khí	11/09/1980	Giảng viên cao cấp	V.07.01.01	3/6	6,92		05/06/2020
61	Lê Đình Nghiêm	Viện Cơ khí	25/11/1993	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67		11/01/2020
62	Hoàng Văn Thành	Viện Cơ khí	17/07/1978	Giảng viên	V.07.01.03	7/9	4,32		01/01/2020
63	Phạm Thị Yến	Viện Cơ khí	31/08/1975	Giảng viên	V.07.01.02	2/8	4,74		01/01/2020
64	Trần Thị Thanh Vân	Viện Cơ khí	03/06/1979	Phó Trưởng BM, PT	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
65	Lê Thị Nhung	Viện Cơ khí	01/12/1987	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		25/03/2020

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
66	Nguyễn Văn Phong	Viện Cơ khí	01/01/1963	Kĩ sư	V.05.02.07	9/9	4,98	11%	01/01/2022
67	Trần Pháp Đông	Viện Cơ khí	09/11/1979	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	5/9	3,66		02/03/2020
68	Phạm Huy Toàn	Viện Cơ khí	28/03/1979	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	6/9	3,99		01/04/2020
69	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Khoa Công trình	01/11/1983	Phó Trưởng BM	V.07.01.03	5/9	3,66		01/03/2020
70	Trần Khánh Toàn	Khoa Công trình	24/11/1979	Phó Trưởng khoa	V.07.01.01	1/6	6,20		28/04/2020
71	Lê Sỹ Xinh	Khoa Công trình	10/09/1981	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99		01/06/2020
72	Trần Thị Chang	Khoa Công trình	12/04/1994	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	2,34		01/02/2020
73	Bùi Quốc Bình	Khoa Công trình	15/01/1973	Phó Trưởng khoa	V.07.01.03	9/9	4,98		01/02/2020
74	Lê Thị Hương Giang	Khoa Công trình	21/05/1976	Phó Trưởng BM	V.07.01.01	1/6	6,20		28/04/2020
75	Vũ Hữu Trường	Khoa Công trình	03/06/1985	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66		15/04/2020
76	Đoàn Thị Hồng Nhung	Khoa Công trình	09/02/1987	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		20/05/2020
77	Vũ Đình Trung	Khoa Công nghệ thông tin	08/02/1990	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00		04/04/2020
78	Nguyễn Hoàng Thùy Trang	Khoa Công nghệ thông tin	04/03/1989	Giảng viên	V.07.01.03	3/9	3,00		11/01/2020
79	Nguyễn Đồng Sỹ	Khoa Công nghệ thông tin	25/07/1976	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	7/9	4,32		01/01/2020
80	Trần Thị Hương	Khoa Công nghệ thông tin	27/09/1983	Trưởng BM	V.07.01.03	6/9	3,99		01/05/2020
81	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Công nghệ thông tin	12/10/1971	Kỹ thuật viên	13.095	9/9	4,98		01/05/2020
82	Nguyễn Trung Quân	Khoa Công nghệ thông tin	01/08/1991	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67		04/04/2020
83	Mạc Văn Nam	Khoa Lý luận chính trị	09/04/1966	Giảng viên chính	V.07.01.02	6/8	6,10		01/01/2020
84	Phạm Thị Thu	Khoa Lý luận chính trị	17/05/1978	Giảng viên chính	V.07.01.02	1/8	4,40		01/01/2020
85	Phan Duy Hòa	Khoa Lý luận chính trị	15/06/1978	Phó Trưởng khoa	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
86	Ngô Văn Thảo	Khoa Lý luận chính trị	20/01/1964	Giảng viên	V.07.01.03	9/9	4,98	11%	01/01/2022
87	Vũ Thị Vân	Khoa Cơ sở - Cơ bản	31/05/1985	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66		17/06/2020
88	Mai Văn Thi	Khoa Cơ sở - Cơ bản	22/11/1982	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66		01/01/2020
89	Nguyễn Văn	Khoa Cơ sở - Cơ bản	24/06/1981	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66		09/06/2020
90	Vũ Tuấn Anh	Khoa Cơ sở - Cơ bản	24/06/1988	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		15/06/2020
91	Đào Văn Lập	Khoa Cơ sở - Cơ bản	07/05/1987	Giảng viên	V.07.01.03	4/9	3,33		19/05/2020
92	Lê Thị Thùy Dương	Khoa Cơ sở - Cơ bản	14/07/1981	Giảng viên	V.07.01.03	6/9	3,99		28/06/2020
93	Đỗ Thị Anh Thư	Khoa Ngoại ngữ	01/02/1980	Phó Trưởng BM, PT	V.07.01.03	6/9	3,99		01/01/2020
94	Trần Ngọc Diệp	Khoa Ngoại ngữ	26/12/1977	Giảng viên	V.07.01.03	5/9	3,66		21/04/2020
95	Trần Hữu Long	Viện Môi trường	13/07/1980	Phó Viện trưởng	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
96	Trịnh Thị Thu	Viện Môi trường	15/08/1986	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	4/9	3,33		15/06/2020
97	Nguyễn Thị Thu	Viện Môi trường	12/08/1995	Giảng viên	V.07.01.03	1/9	2,34		01/02/2020
98	Phạm Thị Dương	Viện Môi trường	28/08/1980	Trưởng BM	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
99	Tạ Thị Lương	Viện Môi trường	20/09/1993	Giảng viên	V.07.01.03	2/9	2,67		04/01/2020
100	Phạm Thị Vang	Viện Đào tạo chất lượng cao	19/10/1979	Chuyên viên	01.003	6/9	3,99		20/03/2020
101	Bùi Xuân Thọ	Viện Đào tạo chất lượng cao	13/11/1987	Kỹ thuật viên HDTH	V.05.02.07	4/9	3,33		19/05/2020
102	Nguyễn Văn Quyết	Viện NC Khoa học và Công nghệ Hàng h	13/08/1987	Nhân viên	V.05.02.07	4/9	3,33		02/06/2020

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
103	Trần Thanh Thủy	TT. Huấn luyện thuyền viên	22/07/1968	Chuyên viên	01.003	5/9	3,66		23/05/2020
104	Phạm Thái An	TT. Huấn luyện thuyền viên	03/09/1963	Nhân viên	01.007	12/12	3,63	8%	01/01/2022
105	Trần Xuân Hải	TT. Huấn luyện thuyền viên	05/08/1964	Nhân viên	V.05.02.07	9/9	4,98	10%	02/06/2022
106	Phạm Văn Tuất	TT. Giáo dục thể chất HH	28/03/1973	Giảng viên chính	V.07.01.02	3/8	5,08		01/02/2020
107	Trần Văn Nhật	TT. Giáo dục thể chất HH	28/12/1975	Phó Giám đốc	V.07.01.03	8/9	4,65		01/01/2020
108	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	TT. Hợp tác và đào tạo liên tục	24/04/1985	Chuyên viên	01.003	4/9	3,33		15/04/2020
109	Nguyễn Thị Thanh Mai	TT Ứng dụng và PT CNTT	07/07/1977	Chuyên viên	01.003	7/9	4,32		01/01/2020
110	Lê Thủy Quân	TT Ứng dụng và PT CNTT	21/06/1982	Chuyên viên	01.003	4/9	3,33		01/03/2020
111	Trần Anh Tuấn	TT. Đào tạo và tư vấn KHCN BV MTT	23/10/1980	Giám đốc	V.07.01.02	2/8	4,74		01/04/2020
112	Lê Thị Huyền	Thư viện	27/04/1971	Nhân viên	V.10.02.07	8/10	4,27		01/05/2020
113	Lê Kim Hoàn	Nhà xuất bản Hàng hải	02/09/1963	Giám đốc	01.002	5/8	5,76		01/05/2020
114	Nguyễn Hoài Bắc	Ban QLKNT SV HH QN	26/06/1971	Trưởng ban	01.003	9/9	4,98	9%	01/04/2022
115	Mạc Văn Sang	Ban Quản lý Dự án HH	22/08/1985	Phó Giám đốc	01.003	4/9	3,33		18/03/2019
116	Trần Quốc Quân	Ban Quản lý Dự án HH	30/11/1984	Chuyên viên	01.003	4/9	3,33		15/04/2020
117	Vũ Mạnh Thắng	Ban Bảo vệ	14/04/1963	Nhân viên	01.011	12/12	3,48	9%	01/02/2022
118	Trần Thị Xuân	CT. CP Giáo dục và Đào tạo QT HH	03/02/1980	Giám đốc	01.003	6/9	3,99		01/05/2020
119	Mai Minh Mạnh	CT. VTB & XKLĐ	27/10/1962	Giảng viên chính	V.07.01.02	5/8	5,76		01/01/2020
120	Trần Đỗ Mát	CT. VTB Đông Long	31/01/1964	Giảng viên chính	V.07.01.02	5/8	5,76		01/01/2020
121	Đào Minh Quân	Trường Cao đẳng VMU	18/12/1976	Hiệu trưởng	V.07.01.01	2/6	6,56		05/06/2020
122	Bùi Thị Lý	Trường Cao đẳng VMU	10/08/1984	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	3/9	3,00		01/05/2020
123	Đỗ Thế Hùng	Trường Cao đẳng VMU	20/11/1976	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	4/9	3,33		01/05/2020
124	Phạm Thị Hồng Nhung	Trường Cao đẳng VMU	10/11/1982	Trưởng khoa	V.09.02.03	5/9	3,66		01/03/2020
125	Bùi Văn Tân	Trường Cao đẳng VMU	07/01/1971	Nhân viên lái xe	01.010	9/12	3,49		01/03/2021
126	Đinh Văn Đạo	Trường Cao đẳng VMU	27/01/1964	Nhân viên bảo vệ	01.011	8/12	2,76		01/05/2021